

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban -
Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền đại phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới kế hoạch đầu tư công năm 2021 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường Hoàng Quốc Việt-Mé Ban-Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La; Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND; Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường Hoàng Quốc Việt-Mé Ban-Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 356/TTr-SXD ngày 22 tháng 10 năm 2024, Báo cáo thẩm định số 217/KQTD-SXD ngày 21 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung điều chỉnh dự án

1.2. Điều chỉnh bổ sung thiết kế

1.2.1. Điều chỉnh cao độ thiết kế và độ dốc dọc đường:

- Đoạn tuyến từ cọc 20+N41A (Km0+386,16m) đến (Km0+628,58m), chiều dài L=242,42m, điều chỉnh độ dốc dọc từ 3% lên 6%;

- Đoạn tuyến từ (Km0+628,58m) đến cọc 49A (Km0+817,66m), chiều dài L=189,07m điều chỉnh độ dốc dọc từ 3% lên 4%.

1.2.2. Bổ sung tháo dỡ, hoàn trả hệ thống đường dây 22KV, 35KV để phục vụ thi công xây dựng:

a. Về quy mô:

- Tháo dỡ thu hồi 138m mạch kép đường dây 35kV (vị trí cột 47-48 lộ 374 E17.2);

- Xây dựng mới, hoàn trả 59m đường dây 35kV (vị trí cột 47B-48 lộ 374 E17.2);

- Tháo dỡ thu hồi 112m đường dây 22kV (vị trí cột 107-109 lộ 376 E17.2);

- Tháo dỡ thu hồi 159m đường dây 0,4kV (vị trí cột 2.5, 2.8, 1.2, 1.5 đường dây 0,4kV trạm biến áp Quyết Tâm 3);

- Xây dựng mới, hoàn trả 48m đường dây 22kV (vị trí cột 108-108A lộ 473-476 E17.2);

- Xây dựng mới, hoàn trả 48m đường dây 0,4kV (vị trí cột 2.6, 2.7, 1.3, 1.4 đường dây 0,4kV trạm biến áp Quyết Tâm 3);

- Tháo dỡ thu hồi 101m đường dây 0,4kV (vị trí cột 5A đến 7A và 6A đến 6A1 đường dây 0,4kV trạm biến áp Bản Buồn);

- Xây dựng mới, hoàn trả 56m đường dây 0,4kV (vị trí cột 6A đến 6A1 đường dây 0,4kV trạm biến áp Bản Buồn).

b. Giải pháp thiết kế chủ yếu: chi tiết theo Báo cáo kết quả thẩm định số 217/KQTD-SXD ngày 21/10/2024 của Sở Xây dựng.

- Phần tháo dỡ, thu hồi đường dây 35kV:

+ Di dời tháo dỡ vị trí cột 47 và 48 lộ 374 E17.2; Chiều dài tuyến tuyến dây tháo dỡ thu hồi: 138m tuyến đường dây trên không mạch kép từ vị trí cột 47 tới cột số 48 lộ 374 E17.2;

+ Dây dẫn: AC95/16; Cách điện: Không có cách điện; Thu hồi cáp quang trên cột, không thu hồi cột và xà.

- Phần xây mới, hoàn trả đường dây 35kV lộ 374 E17.2:

+ Cấp điện áp: 35kV;

+ Điểm đầu nối hoàn trả: Vị trí cột 47B (cột xây dựng mới) và 48 lộ 374 E17.2;

+ Xây dựng mới 02 vị trí cột kép, loại cột NPC cao 20m giữa khoảng cột 47 đến 48 để nâng khoảng cách dây dẫn vượt đường giao thông và thay thế 59m dây AC95/16 mạch kép từ vị trí cột 47B (cột xây dựng mới) đến vị trí cột số 48 hiện có. Hướng tuyến giữ nguyên không thay đổi;

+ Đường dây cáp viễn thông: Chiều dài 138m từ cột số 47 đến cột 48 sẽ được bắt vào vị trí cột 47A (cột xây dựng mới) và 47B (cột xây dựng mới) bằng bộ giá đỡ cáp viễn thông chữ E (theo mẫu của ngành điện đang sử dụng);

+ Loại cột: Sử dụng 02 cột bê tông ly tâm loại không dự ứng lực (NPC) cao 20m, có lực đầu cột đảm bảo hệ số an toàn và chịu lực theo quy định;

+ Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép;

+ Dây dẫn: AC95/16;

+ Cách điện: Chuỗi néo thủy tinh, sứ đứng gồm 35kV. Đối với khoảng vượt đường giao thông sử dụng loại chuỗi kép;

+ Xà: Được chế tạo bằng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN;

+ Tiếp địa: Sử dụng loại cọc tia hỗn hợp, được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN, điện trở tiếp đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Phần tháo dỡ, thu hồi đường dây 22kV lộ 473 +476 E17.2

+ Điểm tháo dỡ vị trí cột 107 và 109 lộ 473 +476 E17.2; Chiều dài tuyến tuyến dây tháo dỡ thu hồi: Tháo dỡ thu hồi 112m tuyến đường dây 22kV trên không, mạch kép từ cột 107 và 109 lộ 473 +476 E17.2; tháo dỡ cáp quang chiều dài 112m từ cột từ cột 107 và 109 lộ 473 +476 E17.2;

+ Thu hồi cột, dây dẫn, cách điện, xà, thiết bị đóng cắt và thiết bị chống sét.

- Phần xây mới, hoàn trả đường dây 22kV lộ 473 +476 E17.2:

+ Cấp điện áp: 22kV;

+ Điểm đầu nối hoàn trả: vị trí cột 108 (cột xây dựng mới) và 108A (cột xây dựng mới) lộ 473+476 E17.2;

+ Xây mới 48m tuyến đường dây trên không 22kV mạch kép, dây dẫn AC150/24-XLPE2.5/HDPE từ cột 108 (cột xây dựng mới) tới cột 108A (cột xây dựng mới) lộ 473+476 E17.2. Hướng tuyến giữ nguyên không thay đổi;

+ Đường dây cáp viễn thông: Chiều dài 112m từ cột số 107 đến cột 109 sẽ được bắt vào vị trí cột 108 (cột xây dựng mới) và 108A (cột xây dựng mới) bằng bộ giá đỡ cáp viễn thông chữ E (theo mẫu của ngành điện đang sử dụng);

+ Loại cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm NPC;

+ Móng cột: Móng bê tông cốt thép;

+ Dây dẫn: AC150/24-XLPE2.5/HDPE;

- + Cách điện: Chuỗi polime 24; sứ đứng gồm 24kV;
- + Xà: Được chế tạo bằng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN;
- + Tiếp địa: Sử dụng sơ đồ cọc tia hỗn hợp mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN, điện trở tiếp đất đảm bảo theo quy định hiện hành.
- Phần tháo dỡ, thu hồi đường dây 0,4kV TBA Quyết Tâm 3:
- + Điểm tháo dỡ: Vị trí cột 2.5; 2.8; 1.2; 1.5 ĐZ 0,4kV TBA Quyết Tâm 3;
- + Chiều dài tuyến tuyến dây tháo dỡ thu hồi: Tháo dỡ thu hồi 80m từ vị trí 1.2 đến vị trí 1.5 và 79m từ vị trí 2.5 đến vị trí 2.8 ĐZ 0,4kV TBA Quyết Tâm 3. Tháo dỡ thu hồi cột, hộp chia dây, hòm công tơ, cáp và phụ kiện.
- Phần xây mới, hoàn trả đường dây 0,4kV TBA Quyết Tâm 3:
- + Cấp điện áp: 0,4kV;
- + Điểm đầu nối hoàn trả: vị trí cột 2.6 (cột xây dựng mới), 2.7 (cột xây dựng mới); 1.3 và cột 1.4 (cột xây dựng mới đi chung với cột ĐZ 22kV);
- + Dây dẫn, sử dụng cáp vặn xoắn ABC, tại vị trí vượt đường có sử dụng thêm cáp thép đỡ dây;
- + Loại cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm NPC;
- + Móng cột: Móng bê tông đúc;
- + Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC, dây sau công tơ hoàn trả lại theo chủng loại tương ứng trước khi di chuyển;
- + Hòm công tơ: Tận dụng và di chuyển sang vị trí mới;
- + Móc chia dây, ghíp nối sử dụng loại đồng bộ với các thiết bị.
- Phần tháo dỡ, thu hồi đường dây 0,4kV TBA Bản Buôn:
- + Điểm tháo dỡ: Vị trí cột 5A; 7A ĐZ 0,4kV TBA Bản Buôn; Chiều dài tuyến tuyến dây tháo dỡ thu hồi: Tháo dỡ thu hồi 76m từ vị trí 5A đến vị trí 7A và 25m từ vị trí 6A đến vị trí 6A/1 ĐZ 0,4kV ĐZ 0,4kV TBA Bản Buôn;
- + Tháo dỡ thu hồi cột, dây dẫn, phụ kiện, hộp chia dây và các phụ kiện.
- Phần xây mới, hoàn trả đường dây 0,4kV TBA Bản Buôn:
- + Cấp điện áp: 0,4kV;
- + Điểm đầu nối hoàn trả: vị trí cột 6A (cột xây dựng mới), 6A.1 (cột xây dựng mới);
- + Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm NPC;
- + Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC, dây sau công tơ hoàn trả lại theo chủng loại tương ứng trước khi di chuyển;
- + Móng cột: Móng bê tông đúc và bê tông cốt thép;
- + Hòm công tơ: Tận dụng và di chuyển sang vị trí mới.

1.2.3. Cập nhật, điều chỉnh một số biện pháp thi công để phù hợp với thực tế triển khai dự án.

1.2.4. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 217/KQTĐ-SXD ngày 21/10/2024 của Sở Xây dựng.

1.2. Điều chỉnh bổ sung chi phí giải phóng mặt bằng và điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư

1.2.1. Điều chỉnh bổ sung chi phí giải phóng mặt bằng: Giá trị sau điều chỉnh 61.000,075 triệu đồng.

1.2.2. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư: Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 30/5/2021 của UBND tỉnh. Tổng mức đầu tư dự án 160.000 triệu đồng, trong đó:

- Chi phí GPMB, hỗ trợ TĐC	:	61.000,075	triệu đồng;
- Chi phí xây dựng	:	76.602,769	triệu đồng;
- Chi phí thiết bị, cây xanh	:	777,469	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	1.359,897	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	4.762,586	triệu đồng;
- Chi phí khác	:	1.958,199	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	:	13.539,005	triệu đồng.

1.3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án:

Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Năm 2021-2025.

2. Các nội dung khác không điều chỉnh: Thực hiện theo Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 30/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La; Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 30/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường Hoàng Quốc Việt-Mé Ban-Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La.

3. Tổ chức tư vấn lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh): Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La; địa chỉ: số 93, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

4. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B; Công trình giao thông đô thị cấp II; công trình năng lượng đường dây và trạm biến áp, cấp IV.

5. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công). Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

5.1. Quy chuẩn

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;
- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng;
- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- QCVN 01-2020/BCT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện.

5.2. Tiêu chuẩn khảo sát, thí nghiệm

- TCVN 4419-1987: Khảo sát cho xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;
- 96 TCN 43-1990: Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình;
- 22TCN 259-2000: Quy trình khảo sát khoan thăm dò địa chất;
- 22TCN 332-2006: Quy trình thí nghiệm chỉ số CBR của đất, đá dăm;
- 22TCN 333-2006: Quy trình đầm nén đất, đá dăm;
- 22TCN 66-84: Thí nghiệm thành phần hạt;
- 22TCN 211-06: Quy trình thiết kế áo đường mềm;
- 22TCN 223-95: Quy trình thiết kế áo đường cứng;
- 22TCN 220-95: Quy trình tính toán dòng lũ;
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;
- TCVN 9401-2012: Tiêu chuẩn đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa xây dựng- yêu cầu chung;
- TCVN 9437-2012: Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất;
- TCVN 5747-1993: Đất xây dựng-Phân loại;
- TCVN 2683-2012: Đất xây dựng- Phương pháp lấy mẫu;
- TCVN 9153-2012: Đất xây dựng-Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất;
- TCVN 9151-2012: Đất xây dựng-Phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tĩnh tiêu chuẩn (SPT);
- TCVN 9402-1912: Hướng dẫn kỹ thuật công tác địa chất cho công trình xây dựng trong vùng Karst;
- TCVN 4195-2012: Đất xây dựng- Phương pháp xác định chỉ tiêu cơ lý.

5.3. Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 104-2007: Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị-Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 13592-2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4054-2005: Đường ô tô-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng- Thi công và nghiệm thu;
- Bộ tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;
- TCVN 6525-2018: Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu được mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;
- Tiêu chuẩn 10355-2018: Thép các bon tấm mỏng chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;
- TCVN 11231-2015 (ISO 5002-2013): Thép lá cacbon cán nóng và cán nguội mạ kẽm điện phân chất lượng thương mại và dập vuốt;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất-thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô -thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9845-2013: Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;
- TCVN 9116- 2012: Cống hộp bê tông cốt thép;
- TCVN 9113- 2012: Ống bê tông cốt thép thoát nước;
- TCVN 9152-2012: Quy trình quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;
- TCVN 9206-2012: Các tài liệu tham khảo về thiết kế cây xanh cho vườn hoa, công viên, khu đô thị, cây xanh đường phố quảng trường đô thị;
- TCVN 259-2001: Tiêu chuẩn về chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 333-2005: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- 22TCN 333-2006: Quy trình đầm nén đất, đá dăm;
- 22TCN 66-84: Thí nghiệm thành phần hạt;
- 22TCN 211-06: Quy trình thiết kế áo đường mềm;
- 22TCN 223-95: Quy trình thiết kế áo đường cứng;
- 22TCN 220-95: Quy trình tính toán dòng lũ;
- Thiết kế điển hình cống hộp BTCT 86-05X;
- Thiết kế điển hình tường chắn 86-06X;

- Thiết kế điển hình cống bản 69-34X;
- Thiết kế điển hình cống tròn BTCT 533-01-01; 533-01-02;
- Thiết kế điển hình cống hộp BTCT 86-05X;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

6. Tổng mức đầu tư: 160.000 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố Sơn La (chủ đầu tư):

- Rà soát các nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại văn bản thông báo kết quả thẩm định số 217/KQTĐ-SXD ngày 21 tháng 10 năm 2024; có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

- Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của chủ đầu tư theo quy định tại Điều 83 Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

2. Sở Xây dựng:

- Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 83a Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình. Chủ động thanh tra, kiểm tra, rà soát, hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định theo thẩm quyền quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- TTPVHCC;
- Lưu: VT, KT.Việt25b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh